

Bản án số: 134/2022/HS-ST
Ngày: 09-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Kiên.
2. Bà Huỳnh Thị Phương Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình Nhi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Hữu Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 138/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Kim T; sinh năm 1991, tại tỉnh LA; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp Chánh, xã Đ, huyện H, tỉnh LA; nghề nghiệp: nhân viên văn phòng; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T1 và bà Mai Thị T2; chồng: Dương Trần PĐ (đã ly hôn), con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Bị hại:

- Anh Nguyễn L, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp BL, xã A, huyện LT, tỉnh ĐN; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12-2021, Nguyễn Thị Kim T nảy sinh ý định lên mạng xã hội Facebook tìm người làm giấy tờ để đặt mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đem đi thế chấp lấy tiền tiêu xài và trả nợ. Sau khi mua được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 789025 do Nguyễn Thị Kim T đứng tên, T nhờ Huỳnh A1 giúp giới thiệu người cho T thế chấp giấy để vay tiền.

Ngày 19-12-2021, A1 dẫn T đến nhà của anh Nguyễn L thuộc ấp XB, xã H, huyện Gò Dầu để vay tiền, nhưng do anh L không đủ tiền cho vay nên anh L dẫn A1 và T đến gặp chị Huỳnh Thị K để vay tiền. Do K cũng không đủ tiền nên K dẫn anh L, A1 và T đến nhà của chị Phạm Thị Yến N thuộc ấp B, xã TĐ, huyện Gò Dầu, để cho T vay tiền. Tại đây, chị N đưa cho chị K 50.000.000 đồng để chị K đưa cho anh L, rồi anh L lấy 50.000.000 đồng cho T và An vay, thỏa thuận lãi suất 07%/tháng và T thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 789025 cho anh L.

Sau khi vay được tiền, do T và A1 không đóng lãi và không liên lạc được nên ngày 03-5-2022, anh L cùng một số người khác đi xuống nhà của T ở tỉnh LA để tìm và gặp T. Khi gặp, L yêu cầu T trả tiền đã vay nhưng T nói không có tiền. L yêu cầu T cùng đi về TN để giải quyết thì T đồng ý và tự nguyện đi về nhà của L để T chờ người thân đem tiền đến. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, T gọi điện thoại báo Công an là bị nhóm của L bắt giữ.

Kết luận giám định số 653 ngày 07-6-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 789025, thửa đất số 1105, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: xã ĐT, huyện H, tỉnh LA; người đăng ký sử dụng: Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1991, số căn cước công dân: 077191000023, cấp ngày 17-3-2021, địa chỉ thường trú: ấp X, xã X1, huyện TH, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

Kết luận giám định số 1259 ngày 21-10-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên “Nguyễn Thị Kim T” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A01 đến A03) với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Kim T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M01 đến M04) là do cùng một người ký và viết ra.

Quá trình điều tra, T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình.

Về trách nhiệm dân sự: T đã bồi thường 20.000.000 đồng cho anh L nên anh L không yêu cầu bồi thường thêm và không yêu cầu xử lý hình sự đối với T.

Về kê biên tài sản: Do T không có sở hữu tài sản nên Cơ quan điều tra không kê biên.

Đối với hành vi của Huỳnh A1, ngoài lời khai của T thì không còn chứng cứ nào khác, do chưa làm việc được với A1 nên Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm, khi nào tìm được sẽ xử lý sau.

Đối với việc T tố cáo bị nhóm của Nguyễn L bắt giữ, nhưng qua kết quả điều tra thể hiện T tự nguyện đi cùng với L, chứ T không bị khống chế, bắt giữ hay đe dọa nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Bản cáo trạng số 121/CT-VKSGD ngày 26-10-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo đã thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm d khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo T phải chấp hành từ 04 (năm) đến 05 (năm) năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận L đã nhận lại số tiền 20.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã ly hôn chồng, đang nuôi con nhỏ, sống chung với bà ngoại hơn 70 tuổi bị tai biến, bị cáo đã ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Dầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Kim T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Ngày 19-12-2021, tại ấp B, xã TĐ, huyện Gò Dầu, Nguyễn Thị Kim T có hành vi gian dối là sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để chiếm đoạt của anh Nguyễn L số tiền 50.000.000 đồng. Nên có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội ‘Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức’ và ‘Lừa đảo chiếm đoạt tài sản’, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 và điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây mất an ninh trật tự địa phương, mà còn xâm phạm đến chế độ quản lý hành chính của Nhà nước, ảnh hưởng đến sự hoạt động bình thường và uy tín của

các cơ quan chức năng của Nhà nước. Bản thân bị cáo là người có học thức, đủ khả năng nhận thức về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, nên cần được xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn L đã nhận lại số tiền 20.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên ghi nhận.

[7] Các đối tượng có liên quan khác:

[7.1] Đối với hành vi của Huỳnh A1, ngoài lời khai của T thì không còn chứng cứ nào khác, do chưa làm việc được với A1 nên Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm, khi nào tìm được sẽ xử lý sau.

[7.2] Đối với việc T tố cáo bị nhóm của Nguyễn L bắt giữ, nhưng qua kết quả điều tra thể hiện T tự nguyện đi cùng với L, chứ T không bị khống chế, bắt giữ hay đe dọa nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[8] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Kim T là người bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim T phạm hai tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 341; điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T 02 (hai) năm về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, 02 (hai) năm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim T phải chấp hành 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Ghi nhận anh Nguyễn L đã nhận số tiền 20.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016:

Bị cáo Nguyễn Thị Kim T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT. TANDTC (Vụ 1);
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng lý lịch STP tỉnh Tây Ninh;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Công an huyện Gò Dầu (02 bản);
- Nhà tạm giữ công an huyện Gò Dầu;
- CC THADS h. Gò Dầu;
- Bị cáo, bị hại.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Nguyễn

